TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 238/2024/DS-PT
Ngày 20/9/2024
"*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Nhuận.

Các Thẩm phán: Ông Lâm Tấn Vinh.

Bà Trương Tố Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kim Mộc Nam, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024, về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2024/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 166/2024/QĐ-PT ngày 15 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Kim X, sinh năm 1955, địa chỉ: Số A đường B, khu dân cư M, khóm A, phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1990, địa chỉ: Số C đường N, khóm C, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo văn bản uỷ quyền ngày 18/6/2024 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà Lâm Thị T1, sinh năm 1958, địa chỉ: Số B LK25, đường số B, khu đô thị E, phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1978, địa chỉ số F, đường L, khóm E, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo văn bản uỷ quyền ngày 25/8/2023 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Lâm Thị T1 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 21/6/2007 (tức là ngày 07/5/2007 âm lịch), bà Lê Thị Kim X đã cho bà Lâm Thị T1 vay số tiền 49.000.000 đồng có làm biên nhận và mỗi tháng bà T1 trả cho bà X số tiền 500.000 đồng nợ gốc và sẽ trả hết nợ trong năm 2008, không có thoả thuận trả lãi. Từ lúc mượn tiền cho đến nay thì bà T1 không trả cho bà X tiền gốc như đã cam kết, mặc dù bà X có nhiều lần nhắc nhở nhưng bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền 49.000.000 đồng. Do đó, bà Lê Thị Kim X yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Lâm Thị T1 phải trả tiền vốn còn nợ 49.000.000 đồng và trả tiền lãi như sau:

- Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 01/01/2017 là 96 tháng, với lãi suất 0,75%/tháng, số tiền lãi: 35.280.000 đồng.

- Từ ngày 02/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 06/5/2024 là 88 tháng, với lãi suất 0,83%/tháng, số tiền lãi 35.789.600 đồng.

Tổng cộng nợ vốn và nợ lãi là 120.069.600 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của bị đơn trình bày:

Đối với "Biên nhận đề ngày 07-5-207 âl" do nguyên đơn cung cấp không có ghi thông tin về năm sinh, địa chỉ nơi cư trú của người có tên Lâm Thị T1, Nguyễn Công S tại thời điểm ghi trong biên nhận là 07-5-207 âl. Với những thông tin trên thì bà Lâm Thị T1, sinh năm 1958, hiện có tư cách tố tụng theo Tòa án xác định là bị đơn không biết người có tên Lâm Thị T1 trong biên nhận là chứng cứ của nguyên đơn cung cấp có phải là cùng một người hay không, do vậy đề nghị nguyên đơn phải chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2024/DS-ST ngày 08/5/2024, Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

"Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Kim X: Buộc bị đơn bà Lâm Thị T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Lê Thị Kim X số tiền vốn và lãi là 120.069.600 đồng (trong đó tiền vốn là 49.000.000 đồng, tiền lãi là 71.069.600 đồng)..."

Ngoài ra, trong bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/5/2024, bà Lâm Thị T1 gửi đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm, bà yêu cầu cấp phúc thẩm: Bổ sung ông Nguyễn Công S tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ ai là người mượn tiền của bà X; giám định chữ ký và chữ viết trong tờ "Biên nhận ngày 07/5/207al" để làm rõ đây là chữ của bà T1 hay của ông S; yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi của nguyên đơn; đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lâm Thị Thu g nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lê Thị Kim X khởi kiện yêu cầu bà Lâm Thị T1 trả số tiền vốn vay 49.000.000 đồng, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà X cung cấp bản chính tờ "Biên nhận" đề ngày 07/5/2007 âm lịch (nhằm ngày 21/6/2007 dương lịch), bên dưới có chữ ký ghi tên Lâm Thị T1 (Bút lục 12), có nội dung như sau: "*Tôi Lâm Thị T1 - Nguyễn Công S có mượn số tiền của chị Lê Thị Kim X là 49.000.000 đồng, mỗi tháng em chả cho chị 500.000 ngàn đở, khi nào nội chông năm 208 là em chả hoàn tất cho chị*". Khi xác lập giao dịch vay các bên có thỏa thuận thời hạn trả là trong năm 2008, không thỏa thuận lãi suất nên được xác định là giao dịch vay tiền có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015.

[2] Hợp đồng vay tiền giữa bà X và bà T1 đã hết hạn thanh toán cuối năm 2008, nhưng đến nay bà T1 vẫn chưa hoàn trả tiền vốn vay cho bà X, vì vậy cấp sơ thẩm buộc bà T1 phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn 49.000.000 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ 01/01/2009 đến ngày xét xử sơ thẩm 06/5/2024 với số tiền 71.069.600 đồng là đúng quy định tại Điều 357 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2005.

[3] Bà Lâm Thị T1 kháng cáo yêu cầu: Bổ sung ông Nguyễn Công S tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ ai là người mượn tiền của bà X; giám định chữ ký và chữ viết trong tờ "Biên nhận ngày 07/5/207al" để làm rõ đây là chữ của bà T1 hay của ông S; yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi của nguyên đơn.

[3.1] Tại cấp phúc thẩm, bà T1 cung cấp cho Tòa án "Tờ khai quan hệ thừa kế pháp luật" của ông Nguyễn Công S, tại văn bản này bà T1 khai nhận ông S là chồng bà và ông S đã chết vào ngày 28/5/2022. Qua xem xét tờ "Biên nhận" đề ngày 07/5/2007 âm lịch, phần mở đầu có ghi tên ông Nguyễn Công S và bà Lâm Thị T1, nhưng phần ký tên xác nhận giao kết việc vay tiền chỉ có bà T1 ký tên, ông S không có ký tên. Do vậy, cấp sơ thẩm xác định ông S không có giao dịch vay tiền của X nên không đưa ông S tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3.2] Việc, bị đơn kháng cáo yêu cầu thực hiện thủ tục giám định chữ ký đề tên Lâm Thị T1 và chữ viết trong tờ "Biên nhận" đề ngày 07/5/2007 âm lịch. Tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã thông báo cho bà T1 về việc thực hiện thủ tục giám định chữ ký và chữ viết trong tờ biên nhận, nhưng phía bà T1 không yêu cầu Tòa án thực hiện thủ tục này. Tại cấp phúc thẩm, Tòa án đã thông báo yêu cầu bà T1 cung cấp các mẫu chữ ký và chữ viết hợp lệ để làm mẫu so sánh nhưng bà T1 chưa thực hiện đúng yêu cầu theo nội dung thông báo của Tòa án. Đồng thời, cấp sơ thẩm đã mời bà T1 tham gia đối chất với bà X để làm rõ các vấn đề bà T1 đặt ra nhưng bà lại vắng mặt không tham gia. Do vậy, kháng cáo của bà T1 về nội dung này là chưa có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Tại cấp phúc thẩm, bà T1 đề nghị áp dụng quy định của pháp luật về thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu về tiền lãi của bà X, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng Dân sự *"2. Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc."*. Hội đồng xét xử nhận thấy trước khi có bản án sơ thẩm, bà T1 không có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện nên kháng cáo của bà về nội dung này là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về việc bà T1 yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho bà được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm và phúc thẩm, vì bà là người cao tuổi, nhận thấy yêu cầu của bà phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên được chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của Lâm Thị T1, chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Các nội dung khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lâm Thị T1 được miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lâm Thị T1;

Sửa bản án sơ thẩm 60/2024/DS-ST ngày 08/5/2024, Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ Điều 357 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim X đối với bà Lâm Thị T1 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*":

Buộc bà Lâm Thị T1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị Kim X tiền vốn vay 49.000.000 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 71.069.600 đồng, tổng cộng 120.069.600 đồng (một trăm hai mươi triệu, không trăm sáu mươi chín ngàn, sáu trăm đồng).

Kể từ ngày bà X có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà T1 còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thị T1 được miễn nộp tiền án phí.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lâm Thị T1 được miễn nộp tiền án phí. Bà được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001768 ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA TA tỉnh;
- TAND thành phố Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Quang Nhuận